

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

TRỞ LẠI CHUYỆN NGƯỜI DỊCH BÀI "ĐỀ TỪ" TRUYỆN KIỀU

THẾ ANH
(Hà Nội)

Bài thơ nổi tiếng tổng vịnh Truyện Kiều của Phạm Quý Thích mở đầu bằng câu "Giai nhân bất thị đáo Tiên Đường" được phần lớn các văn bản Truyện Kiều kể cả Nôm và Quốc ngữ đã đưa vào đầu sách nhưng không có tên gọi của bài thơ mà chỉ ghi là Thi vân (đối với các văn bản có niên đại sớm đời Tự Đức như Liễu Văn Đường 1866, Liễu Văn Đường 1871, Thịnh Mỹ Đường 1879, bản Nôm của Abel des Michels 1884) hoặc Đề từ (đối với bản Kiều Oánh Mậu và nhiều bản Quốc ngữ sau này). Riêng đối với bản Nguyễn Hữu Lập 1870 do Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị (NXB Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học 2003) thì lại ghi là Đề từ, nhưng do chúng tôi không có nguyên bản trong tay nên không xác định được chữ Đề từ đã có sẵn trong nguyên bản hay sau này người biên soạn mới đưa vào. Nếu chữ Đề từ đã có trong bản này thì không thể nói Kiều Oánh Mậu là người đầu tiên thay hai chữ Thi vân bằng Đề từ để sau này các bản Quốc ngữ ghi theo.⁽¹⁾ Riêng tên gọi đích thực của bài thơ thì đã được giải quyết với tên gọi **Thích Đoạn trường tân thanh hữu cảm**⁽²⁾. Trong bài viết này chúng tôi đề cập đến bài thơ Nôm mà có một số sách ghi là bản dịch của Phạm Quý Thích, số khác lại ghi là Vô danh hoặc ghi những tên khác.

Bài thơ Quốc âm chép trong cuốn Đoạn trường tân thanh của Kiều Oánh Mậu như sau:

*Giọt nước Tiên Đường chẳng rửa oan
Phong hoa bao trắng nợ hồng nhan
Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng
Gót ngọc khôn tiêu chốn thủy quan
Nửa giấc đoạn trường tan gôi điệp
Một dây bạc mệnh đứt cầm loan
Cho hay những kẻ tài tình lắm
Trời bắt làm gương để thế gian.*

(Hoa Đường Lập Trai
Phạm Quý Thích đề)

Đáng chú ý là bản Tăng Hữu Ứng 1874 ở trang phụ bìa cũng có chép bài thơ này và cuối bài có ghi dòng chữ *Lê triều Cảnh Hưng Kỉ Hợi Khoa Tiến sĩ Phạm Quý Thích đề*. Như vậy trước Kiều Oánh Mậu gần 30 năm bài thơ Nôm này đã xuất hiện trong *Truyện Kiều*.

Bài này ở một vài cuốn sách khác có những chỗ xuất nhập như sau:

- Cuốn Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ XVIII - giữa thế kỉ XIX (trang 332, 333).

C2: *Yên* hoa chưa trắng nợ hồng nhan.

C4: *Mặt* ngọc không *đánh* chốn thủy quan.

C6: Một *thiên* bạc mệnh *oán* cầm loan.

- Cuốn Kim Vân Kiều quảng tập truyện do Bùi Hạnh Cẩn - Hoài Ý phiên âm và chú giải (NXB Văn hóa - Thông tin 1999):

C2: Phong *lưu* chưa trắng nợ hồng nhan.

C4: Gót ngọc *khôn thanh* chốn thủy quan.

C6: Một *thiên* bạc mệnh *oán* cầm loan.

⁽¹⁾ Xung quanh bài thơ Đề từ Truyện Kiều của Phạm Quý Thích (Nghiên cứu Văn học số 10-2007).

⁽²⁾ Xem văn bản Truyện Kiều - nghiên cứu và thảo luận của Đào Thái Tôn (Trang 35, 36 NXB Hội Nhà văn - Quý IV 2001) và bài Xung quanh bài thơ Đề từ Truyện Kiều của Phạm Quý Thích (Nghiên cứu Văn học số 10-2007).

- Cuốn Truyện Thúy Kiều do Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim hiệu đính và chú giải (NXB Văn hóa - Thông tin 1995):

C2: Phong *ba* chưa trắng nợ hồng nhan.

C4: Gót ngọc *khôn* đành chốn thủy quan.

C5: Nửa *gối* đoạn trường tan *giấc* điệp.

Trong cuốn Đoạn trường tân thanh, Kiều Oánh Mậu ghi rõ bài Đề từ và bài thơ Quốc âm là của Phạm Quý Thích, nhưng trong cuốn *Lập Trai tiên sinh di thi tục tập* (A2140) và cuốn *Lập Trai Phạm tiên sinh thi tập* (A400) thì không có bài thơ Quốc âm này. Do đó việc khẳng định của Kiều Oánh Mậu và sau này Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim cũng viết một cách dứt khoát "Chính cụ Phạm Quý Thích lại tự dịch luôn ra Quốc âm"⁽¹⁾ là chưa có cơ sở.

Không biết Ngô Tất Tố đã căn cứ vào nguồn tư liệu nào mà ông cho rằng đây là một bài "dịch bậy" của ông Lang Hoát, trong 8 câu chẳng câu nào đúng với nguyên văn: câu thứ nhất thêm 3 chữ **chẳng rửa oan**, câu thứ hai thêm 2 chữ **hồng nhan**, câu thứ 3 **khả đối** sao lại dịch là **còn vương**, câu thứ 5 thêm 3 chữ **tan gối điệp** và bỏ 3 chữ **oán hận trường**, câu thứ 7 bỏ 3 chữ **thiên cổ lụy** thêm 2 chữ **cho hay**, câu thứ 8 không có chữ nào là ý của tác giả⁽²⁾.

Quả thật Ngô Tất Tố đã quá khắt khe trong vấn đề dịch thơ và ông yêu cầu phải bám sát nguyên bản, nhưng nếu coi đây là một bản dịch thoát thì ta cũng có thể chấp nhận được. Theo ý riêng chúng tôi nếu ta không coi đây là một bản dịch mà là bài Thơ Quốc âm Tổng vịnh Truyện Kiều, thì cũng có thể coi đây là một bài thơ hay nói lên được cuộc đời chìm nổi của nhân vật Thúy Kiều.

Trong cuốn Truyện Kiều do Bùi Hạnh Cẩn - Hoài Ý phiên âm⁽³⁾ thì lại phỏng

đoán bài dịch là của Lê Trọng Hàm (1871 - 1931) người huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, nhưng đáng tiếc các tác giả không cho biết thêm chi tiết nên không có điều kiện xác minh.

Chúng tôi còn ghi được một bài Vịnh Kiều không nhớ xuất xứ phảng phất ý của bài thơ trên:

*Trời sá khen đâu khách má hồng
Đoạn trường nợ lắm chẳng đền xong
Hiếu tình đeo nặng đôi vai gánh
Thân thế xoay quanh một giấc mộng
Giọt nước Tiên Đường oan dễ trắng
Ngắm trăng Hiền Thúc về còn trong
Một thiên chép để làm gương lại
Trời sá ghen đâu khách má hồng.*

Nhân tiện chúng tôi xin chép lại vài bài dịch sát nguyên bản, có chất lượng để bạn đọc tham khảo:

Bản dịch của Hợp tuyển thơ văn Việt Nam:

*Giai nhân nếu chẳng tới Tiên Đường
Món nợ trắng hoa đã dễ trang?
Mặt ngọc nở nào vui thủy phủ
Lòng băng không để phụ Kim Lang
Đoạn trường tình giấc duyên vừa dứt
Bạc mệnh đừng dây hận vẫn vương
Nghìn thuở tài tình mang lấy lụy
Vị ai "khúc mới" gửi bi thương?
Bản dịch của Lê Thuốc (1965):
*Hồng nhan ví chẳng đến Tiên Đường
Nửa kiếp yên hoa nợ vẫn mang
Mặt ngọc dễ hâu vui đáy nước
Tiết băng không thẹn đối lòng chàng
Đoạn trường giấc tỉnh nguồn cơn rõ
Bạc mệnh đàn xong mối hận vương
Một mảnh tài tình muôn thuở lụy
Tân thanh đâu xót tỏ tình thương**

Như vậy, đến nay tác giả (hay dịch giả) bài thơ Quốc âm mở đầu bằng câu "*Giọt nước Tiên Đường chẳng rửa oan*" vẫn còn bỏ ngỏ. Hi vọng các nhà nghiên cứu và những người quan tâm sẽ tìm ra lời giải.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 21-07-2008)

⁽¹⁾ *Truyện Thúy Kiều* - Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu đính và chú giải (NXB VHTT 1995).

⁽²⁾ *Thơ - Thơ dịch - Bình thơ* của Ngô Tất Tố (NXB Hội Nhà văn 2005).

⁽³⁾ NXB Văn hóa Thông tin 1999.